

Số: **818/2020/QĐST-HNGĐ**

*Bình Chánh, ngày 07 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 867/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, của:

*Người yêu cầu:*

1/ Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1976.

2/ Ông **Phạm Văn Th**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: F6/26K ấp 6B, xã Vĩnh L, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 28 tháng 8 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 28 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị X và ông Phạm Văn Th.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X và ông Phạm Văn Th thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã Điện Tr, huyện Điện B, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 06/02/2003 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Lê Thị X và ông Phạm Văn Th cùng thỏa thuận giao con chung tên là Phạm Lê Phương U (nữ), sinh ngày 05/11/2003 và Phạm Lê Trâm A (nữ), sinh ngày 18/01/2011 cho bà Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Phạm Văn Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng cộng: 3.000.000 đồng/02 con/tháng.

Bà Lê Thị X và ông Phạm Văn Th có quyền thỏa thuận về địa điểm và phương thức thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con là vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/9/2020 cho đến khi trẻ Phạm Lê Phương U (nữ), sinh ngày 05/11/2003 và Phạm Lê Trâm A (nữ), sinh ngày 18/01/2011 lần lượt trưởng thành.

Trường hợp ông Phạm Văn Th không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Lê Thị X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Phạm Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Lê Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn Th chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Phạm Văn Th phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị X và ông Phạm Văn Th đều yêu cầu tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị X và ông Phạm Văn Th đều xác nhận không nợ ai nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà Lê Thị X và ông Phạm Văn Th cùng thỏa thuận cả hai cùng tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0079893 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị X và ông Phạm Văn Th đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- UBND xã Điện Tr, huyện Điện B, tỉnh  
Quảng Nam (1).
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thanh Huyền**